



Thủ tục quy trình:
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM
HỌC PHÍ CHO SINH VIÊN

Mã hiệu: QT01.02
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: ../../2023
Trang/tổng số trang: 1/6

BẢNG THEO DÕI NHỮNG THAY ĐỔI

TT	Lần sửa đổi	Trang	Nội dung thay đổi	Ngày thay đổi

	Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Nguyễn Thị Thủy	Nguyễn Quốc Tuấn	Trần Trung Vỹ
Ký tên			
Chức vụ	P.Trưởng phòng CTSV	Trưởng phòng CTSV	Phó Hiệu trưởng



Thủ tục quy trình:
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM
HỌC PHÍ CHO SINH VIÊN

Mã hiệu: QT01.02
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: .../.../2023
Trang/tổng số trang: 2/6

1. MỤC ĐÍCH

Thủ tục quy trình này được xây dựng, thực hiện và duy trì để hướng dẫn việc thực hiện chế độ Miễn giảm học phí cho sinh viên theo Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Thủ tục quy trình này được áp dụng đối với sinh viên toàn trường thuộc các đối tượng:

***) Đối tượng được miễn 100% học phí**

- Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 về ưu đãi người có công với cách mạng: Thân nhân của người có công với cách mạng sẽ bao gồm: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ.

- SV bị khuyết tật.

- Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ; mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, cha mẹ mất tích,... thời điểm mồ côi dưới 16 tuổi (Chi tiết xem tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5, Nghị định 20/2021/NĐ-CP)

- Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (Sinh viên có sổ hộ nghèo và cận nghèo)

- Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (La hủ, La ha, Pà thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô lô, Mảng, Công, Cờ lao, Bô y, Si la, Pu péo, Rơ măm, Brâu, Ô đu) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

***) Đối tượng được giảm 70%**

- Học sinh, sinh viên các chuyên ngành Múa, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống.

- HSSV là người dân tộc thiểu số (không phải DTTS rất ít người) ở thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (Chi tiết xem tại QĐ 433/QĐ-UBMT ngày 18/6/2021; QĐ số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021; 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022)

***) Đối tượng được giảm 50%:** Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên (Có Quyết định và Giấy chứng nhận trợ cấp TNLĐ-BNN của Bảo hiểm xã hội cấp);

3. ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT

3.1. Định nghĩa:

Chế độ Miễn giảm học phí trong Thủ tục quy trình này là chế độ sinh viên được hưởng tiền miễn giảm học phí bằng 100%, 70%, 50% mức học phí phải nộp tùy theo từng đối tượng cụ thể tại mục 2 ở trên



Thủ tục quy trình:
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM
HỌC PHÍ CHO SINH VIÊN

Mã hiệu: QT01.02
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: .././2023
Trang/tổng số trang: 3/6

3.2. Viết tắt:

CĐCS: Chế độ chính sách

SV: Sinh viên

QĐ: Quyết định

ĐT: Đối tượng

HP: Học phí

4. NỘI DUNG QUY TRÌNH

4.1	Điều kiện thực hiện Thủ tục		
	Sinh viên thuộc ĐT miễn, giảm học phí đã gửi hồ sơ về Phòng CTSV trước ngày 15/10 (đối với học kỳ I) và trước ngày 30/3 hàng năm (đối với học kỳ II).		
4.2	Thành phần hồ sơ 1. Đơn xin Miễn giảm học phí; 2. Giấy tờ khác: *) Đối với đối tượng được miễn 100% học phí - Bản phô tô công chứng Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh của cha hoặc mẹ SV; giấy khai sinh của SV. - Bản phô tô công chứng Giấy chứng nhận của cơ quan y tế về tình trạng bị khuyết tật, tàn tật đối với những SV khuyết tật, tàn tật - Bản phô tô công chứng Giấy chứng tử của bố, mẹ hoặc giấy chứng tử của cha (mẹ), người còn lại mất tích, bị bệnh tâm thần, giấy khai sinh đối với những SV mồ côi cha mẹ khi chưa đủ 16 tuổi. - Bản phô tô công chứng sổ hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo - Bản phô tô công chứng Giấy khai sinh, giấy tờ minh chứng về chỗ ở đối với SV thuộc dân tộc thiểu số rất ít người. *) Đối tượng được giảm 70% học phí - Giấy tờ minh chứng về chỗ ở đối với SV ở thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (Theo QĐ 433/QĐ-UBMT ngày 18/6/2021; QĐ số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021; 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022) *) Đối tượng được giảm 50% học phí - Bản phô tô công chứng Quyết định và Giấy chứng nhận trợ cấp TNLĐ-BNN của Bảo hiểm xã hội cấp; giấy khai	Bản chính X	Bản sao X X X X X X

	sinh của SV.			
4.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ.			
4.4	Thời gian xử lý			
	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thủ tục hồ sơ hợp lệ của sinh viên cuối cùng.			
4.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nơi tiếp nhận: Phòng CTSV Nơi trả kết quả: Phòng CTSV, đồng thời gửi trên phần mềm QLVB.			
4.6	Lệ phí			
	Không.			
4.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	SV nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận/trả hồ sơ. Nếu Hồ sơ đạt yêu cầu thì chuyển bước 2. Nếu chưa đủ hồ sơ lập phiếu bổ sung và SV thực hiện làm hồ sơ bổ sung Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên CTSV	Giờ HC	Theo mục 4.2 M01.02.01 M01.02.02 M01.02.03 M01.02.04
B2	(1) Tổng hợp danh sách SV hưởng chế độ Miễn giảm học phí; (2) Dự thảo QĐ SV hưởng chế độ Miễn giảm học phí.	Chuyên viên CTSV	2 ngày	M01.02.05 M01.02.06
B3	(1) Kiểm tra Bản dự thảo QĐ và Bảng tổng hợp Danh sách SV được hưởng chế độ Miễn giảm học phí - Nếu không đồng ý thì ghi phiếu chuyển lại Bước 2. - Nếu đồng ý, tiếp tục thực hiện quy trình của bước 3.	Lãnh đạo CTSV Lãnh đạo P. CTSV, Các Khoa	4 ngày	

Thủ tục quy trình:
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM
HỌC PHÍ CHO SINH VIÊN

Mã hiệu: QT01.02
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: .././2023
Trang/tổng số trang: 5/6

	(2) Gửi Bản Dự thảo Danh sách SV được chế độ Miễn giảm học phí tới các Khoa để SV rà soát lại (3) Sinh viên trực tiếp rà soát lại thông tin của bản thân trong bảng Chế độ chính sách, phản hồi lại cho Khoa, Khoa phản hồi lại cho Phòng CTSV			M01.02.05 M01.02.06
B4	(1) Nhận phản hồi từ các Khoa (2) Cập nhật, điều chỉnh bản dự thảo QĐ và Danh sách SV được hưởng chế độ Miễn giảm học phí trình lãnh đạo Phòng	Chuyên viên CTSV	2 ngày	M01.02.05 M01.02.06
B5	(1) Soạn thảo QĐ SV được hưởng chế độ Miễn giảm học phí và Phiếu trình. (2) Gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính xác nhận và ký vào phiếu trình	Lãnh đạo CTSV	3 ngày	M01.02.05 M01.02.06 M01.02.07
B6	Nhận ý kiến phản hồi từ Phòng Kế hoạch – Tài chính - Nếu không nhất trí thì quay lại Bước 5 - Nếu nhất trí thì Trình lãnh đạo trường	Lãnh đạo CTSV	1 ngày	M01.02.07
B7	Kiểm tra Phiếu trình - Nếu không đồng ý thì ghi phiếu chuyển lại Bước 5. - Nếu đồng ý, Ký duyệt QĐ hưởng chế độ cho SV	Lãnh đạo Trường	2 ngày	M01.02.05 M01.02.06 M01.02.07
B8	Thông báo công khai QĐ trên Cổng thông tin điện tử của Trường, trên trang Web của Phòng CTSV	Chuyên viên CTSV	1 ngày	M01.02.05 M01.02.06



Thủ tục quy trình:
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM
HỌC PHÍ CHO SINH VIÊN

Mã hiệu: QT01.02
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: .././2023
Trang/tổng số trang: 6/6

B9	Vào sổ theo dõi thực hiện chế độ chính sách cho SV	Chuyên viên CTSV		M01.02.08 M01.02.09
4.8	Cơ sở pháp lý			
	- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. - Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 về ưu đãi người có công với cách mạng - Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Quyết định số 433/QĐ-UBMT ngày 18/6/2021 Phê duyệt danh sách 2.027 thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; - Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; - Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 Phê duyệt Danh sách huyện nghèo thuộc, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025.			

5. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	M01.02.01	Đơn xin được hưởng chế độ Miễn giảm học phí
2	M01.02.02	Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
3	M01.02.03	Phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
4	M01.02.04	Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ
5	M01.02.05	Danh sách SV hưởng chế độ Miễn giảm học phí
6	M01.02.06	Quyết định SV hưởng chế độ Miễn giảm học phí
7	M01.02.07	Phiếu trình
8	M01.02.08	Phiếu theo dõi giải quyết công việc
9	M01.02.09	Sổ theo dõi kết quả giải Chế độ miễn, giảm học phí cho SV

6. HỒ SƠ LƯU

TT	Tên tài liệu	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	Các tài liệu theo mục 4.2	Phòng CTSV	04 năm
2	Quyết định SV được hưởng chế độ Miễn giảm học phí	Phòng CTSV	04 năm
3	Danh sách SV được hưởng chế độ Miễn giảm	Phòng CTSV	04 năm



Thủ tục quy trình:
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM
HỌC PHÍ CHO SINH VIÊN

Mã hiệu: QT01.02
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: .././2023
Trang/tổng số trang: 7/6

	học phí		
4	Sổ theo dõi chế độ Miễn giảm học phí	Phòng CTSV	04 năm
5	Phiếu trình	Phòng CTSV	04 năm
Hồ sơ được lưu tại Phòng CTSV, thời gian lưu 04 năm. Sau khi hết hạn, hồ sơ được chuyển đến bộ phận lưu trữ của Trường.			